

5. Mua trái phiếu Chính phủ và các hoạt động khác theo quy định của pháp luật.

Điều 7. Điều kiện, đối tượng, lãi suất, thời hạn, mức phán quyết cho vay của Quỹ.

1. Đối tượng được cho vay vốn: Là các hợp tác xã (có đăng ký kinh doanh còn hiệu lực), tổ hợp tác (có chứng thực của UBND cấp xã), Liên hiệp hợp tác xã có nhu cầu, có dự án, phương án sản xuất kinh doanh khả thi cho vay vốn để ứng dụng kết quả nghiên cứu khoa học và tiến bộ kỹ thuật vào hoạt động sản xuất kinh doanh, phát triển thị trường, mở rộng tiêu thụ sản phẩm, đầu tư xây dựng mới, mở rộng, cải tạo, nâng cấp tài sản cố định, xây dựng và nhân rộng các mô hình hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã mới, mô hình hợp tác xã điển hình tiên tiến, mô hình tổ hợp tác hoạt động có hiệu quả.

- Căn cứ khả năng nguồn vốn của Quỹ, nhu cầu vay vốn, Hội đồng quản lý Quỹ xem xét có thể quy định danh mục ưu tiên cho vay trong từng thời kỳ theo đề nghị của Giám đốc Quỹ.

2. Điều kiện vay vốn, hồ sơ, thủ tục, quy trình vay vốn, thu hồi vốn vay, cho vay lại, gia hạn nợ, chuyển và xử lý nợ quá hạn: Thực hiện theo quy chế do Hội đồng quản lý Quỹ ban hành.

- Chủ dự án được cho vay vốn từ Quỹ phải đảm bảo đủ các điều kiện sau:

+ Thuộc đối tượng quy định tại Khoản 1 Điều này.

+ Đối với dự án đầu tư xây dựng phải hoàn thành thủ tục đầu tư theo quy định của Nhà nước; đối với dự án, phương án sản xuất, kinh doanh phải có tính khả thi, hiệu quả, đảm bảo trả được nợ gốc và lãi.

3. Mức vốn cho vay: Mức vốn cho vay cụ thể đối với từng dự án, phương án sản xuất kinh doanh do Giám đốc Quỹ xem xét quyết định nhưng tối đa không quá 80% tổng mức đầu tư của dự án, phương án sản xuất kinh doanh đã được Quỹ thẩm định và không quá 300 triệu đồng/01 dự án, phương án sản xuất kinh doanh. Những dự án có mức vay trên 300 triệu đồng đến 500 triệu đồng do Hội đồng quản lý Quỹ xem xét, quyết định.

4. Lãi suất cho vay vốn của một dự án: Được xác định tại thời điểm ký hợp đồng tín dụng và cố định trong suốt thời hạn vay. Lãi suất được căn cứ vào lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố cho từng thời điểm xác định trong khoảng từ nhỏ hơn đến lớn hơn lãi suất cơ bản không quá 2%. Mức cụ thể do Hội

đồng quản lý Quỹ quyết định. Quỹ tổ chức thu lãi theo quý vào 5 ngày đầu tháng của quý liền sau khi vay hoặc sau khi trả lãi vay. Nếu thời gian vay lần đầu trong quý không quá 1 tháng thì tiền lãi tính gộp vào quý sau để trả lãi lần đầu. Nếu thời gian vay trong quý trên 1 tháng thì trả lãi lần đầu vào 5 ngày đầu tháng của quý liền sau.

- Trường hợp chủ dự án vay vốn quá hạn mà chưa trả được thì phải chịu lãi suất quá hạn bằng 150% lãi xuất cho vay trong hạn ghi trong hợp đồng tín dụng.

5. Thời hạn cho vay vốn: Do Giám đốc Quỹ xem xét, quyết định trên cơ sở khả năng thu hồi vốn, phù hợp với đặc điểm của từng dự án và khả năng trả nợ của Chủ dự án nhưng tối đa không quá 3 năm đến 5 năm do Hội đồng quản lý Quỹ xem xét, quyết định.

6. Thu hồi vốn vay: Thời gian thu hồi vốn vay được ghi rõ trong trường hợp đồng tín dụng, cụ thể:

- Đối với dự án có thời gian vay không quá 2 năm: Chủ dự án có trách nhiệm hoàn trả toàn bộ vốn vay một lần khi hết thời hạn vay.

- Đối với dự án có thời gian vay trên 2 năm: Hết năm thứ 2 kể từ khi giải ngân, chủ dự án phải trả 1/3 vốn vay về Quỹ; hết năm thứ 3 trả tiếp 1/3 tổng mức vay hoặc toàn bộ vốn nếu hết thời hạn vay. Số tiền vốn vay còn lại trả hết khi hết thời gian vay của dự án (gồm cả gốc và lãi).

7. Bảo đảm tiền vay.

7.1. Quỹ hỗ trợ phát triển hợp tác xã quyết định các hình thức bảo đảm tiền vay đối với từng dự án, bao gồm: Cầm cố, thế chấp, bảo lãnh tài sản của bên thứ ba. Riêng các dự án, phương án sản xuất kinh doanh khả thi, có hiệu quả rõ rệt nhưng không đủ hoặc không có tài sản bảo đảm theo quy định thì Hội đồng quản lý Quỹ có thể xem xét, quyết định cho vay tín chấp.

7.2. Trình tự, thủ tục bảo đảm tiền vay, xử lý tài sản bảo đảm tiền vay thực hiện theo quy định của pháp luật về bảo đảm tiền vay.

8. Xử lý rủi ro và thẩm quyền xử lý rủi ro.

8.1. Đối với những dự án gặp rủi ro nguyên nhân khách quan bất khả kháng (thiên tai, hỏa hoạn, động đất, dịch bệnh,...) dẫn đến không hoàn trả được một phần hoặc toàn bộ vốn vay (có xác nhận của chính quyền địa phương nơi có tài sản bị thiệt hại) thì được xem xét, xử lý rủi ro theo các hình thức: Gia hạn nợ, khoan nợ, xóa nợ (bao gồm xóa nợ gốc và nợ lãi).

8.2. Việc gia hạn nợ, khoan nợ, xóa nợ được xem xét, quyết định theo trình tự sau:

a) Đối với khoản nợ đến hạn trả nợ, chủ dự án chưa đủ khả năng trả nợ (cả gốc và lãi) nếu có lý do chính đáng được Giám đốc xem xét, quyết định gia hạn nợ, thời hạn gia hạn nợ tối đa là 12 tháng kể từ ngày có quyết định gia hạn nợ.

b) Hết thời hạn gia hạn nợ mà vẫn chưa trả được khoản nợ, nếu có lý do chính đáng được xem xét, xếp vào khoản nợ. Việc khoan nợ do Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ quyết định theo đề nghị của Giám đốc Quỹ, thời hạn khoan nợ tối đa là 3 năm. Trong thời hạn khoan nợ, chủ dự án không phải trả lãi phát sinh của số nợ được khoan nợ. Hết thời hạn khoan nợ, chủ dự án có trách nhiệm hoàn trả Quỹ đầy đủ số lãi và vốn gốc đã được khoan nợ.

c) Hết thời hạn khoan nợ, nếu chủ dự án có điều kiện trả nợ nhưng có tình trạng không trả nợ thì Quỹ chuyển hồ sơ sang cơ quan pháp luật để xét xử theo quy định của pháp luật.

8.3. Việc xóa nợ lãi do Hội đồng quản lý Quỹ xem xét, quyết định trên cơ sở đề nghị của Giám đốc Quỹ, việc xóa nợ gốc do UBND tỉnh xem xét, quyết định trên cơ sở đề nghị của Hội đồng quản lý Quỹ. Việc xóa nợ chỉ áp dụng đối với các trường hợp quy định tại điểm 7.1 khoản 7 Điều 7 của Điều lệ này, khi chủ dự án không còn khả năng trả nợ sau khi đã tận thu mọi nguồn có khả năng thanh toán.

Điều 8. Tổ chức cho vay.

1. Thẩm định và tổ chức cho vay vốn:

- Việc thẩm định dự án cho vay vốn do Giám đốc Quỹ chủ trì, phối hợp với các cán bộ thẩm định và các đơn vị có liên quan thực hiện.
- Giám đốc Quỹ ban hành quy định về thủ tục xét duyệt dự án xin vay vốn, quy trình thẩm định, quyết định cho vay vốn và tổ chức cho vay vốn phù hợp với đặc điểm, tình hình vay vốn trong từng giai đoạn.

2. Nội dung chính về thẩm định dự án vay vốn.

2.1. Cơ sở pháp lý của chủ đầu tư (Đơn vị vay vốn).

- Đối với chủ đầu tư là tổ hợp tác: Phải có "hợp đồng hợp tác" được UBND cấp xã chứng thực; nghị quyết vay vốn của tổ hợp tác theo dự án xin vay vốn, người đại diện theo pháp luật.
- Đối với chủ đầu tư là hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã phải có giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh còn hiệu lực, nghị quyết đại hội xã viên thông qua về việc xin vay vốn đầu tư từ Quỹ.

- Chủ đầu tư phải có trụ sở chính và tổ chức hoạt động trên địa bàn tỉnh Phú Thọ.

2.2. Hồ sơ vay vốn: Do Giám đốc Quỹ quy định chi tiết danh mục mẫu biểu, nội dung hồ sơ vay vốn cho từng đối tượng, từng ngành nghề phù hợp với đặc điểm từng giai đoạn cụ thể.

2.3. Nội dung chính về thẩm định dự án vay vốn:

- Thẩm định hồ sơ: Kiểm tra, đánh giá tính đầy đủ, tính hợp pháp, hợp lệ của hồ sơ vay vốn do chủ đầu tư gửi.

- Thẩm định chủ đầu tư: Đánh giá uy tín, năng lực quản lý, điều hành, tổ chức sản xuất kinh doanh và khả năng triển khai dự án.

- Thẩm định mục đích sử dụng vốn vay, mức vốn đề nghị cho vay.

- Thẩm định dự án đầu tư, phương án sản xuất kinh doanh và kế hoạch trả nợ vốn vay: Đánh giá sản phẩm, thị trường, hiệu quả kinh tế - xã hội của dự án; tinh hiệu quả của phương án sản xuất kinh doanh, tính khả thi của kế hoạch trả nợ vốn vay; các rủi ro gắn với các khoản vay và các phương án hạn chế rủi ro.

- Thẩm định tài sản đảm bảo tiền vay: Đánh giá tính hợp pháp, giá trị và khả năng quản lý, chuyển nhượng của tài sản đảm bảo.

- Phân tích phương án tài chính của dự án đầu tư và phương án sản xuất kinh doanh của các đối tượng xin vay vốn.

- Kết luận và kiến nghị (Nếu có).

Điều 9. Nhận ủy thác và ủy thác.

1. Nhận ủy thác:

1.1. Quỹ được nhận ủy thác cho vay, tài trợ hoạt động đối với hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã từ các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước theo hợp đồng nhận ủy thác.

1.2. Quỹ được hưởng phí dịch vụ nhận ủy thác. Mức phí dịch vụ nhận ủy thác do các bên thỏa thuận trong hợp đồng nhận ủy thác.

2. Ủy thác:

2.1. Quỹ được quyền ủy thác cho các tổ chức tài chính, tín dụng thực hiện việc cho vay theo hợp đồng ủy thác.

2.2. Phí ủy thác Quỹ trả cho tổ chức nhận ủy thác do các bên thỏa thuận trong hợp đồng ủy thác.

Điều 10. Viện trợ, tài trợ: Quỹ được tiếp nhận quản lý, sử dụng các nguồn viện trợ, tài trợ của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước để thực hiện các hoạt động hỗ trợ phát triển hợp tác xã theo tôn chỉ, mục đích, yêu cầu của nhà tài trợ, nhưng không trái với quy định của pháp luật của Việt Nam.

Điều 11. Mua trái phiếu Chính phủ: Quỹ được sử dụng vốn nhân rồi không có nguồn gốc từ ngân sách nhà nước để mua trái phiếu Chính phủ.

Chương IV

Nguồn vốn hoạt động của quỹ

Điều 12. Vốn điều lệ.

1. Vốn điều lệ ban đầu của Quỹ là 5 tỷ đồng do ngân sách tỉnh cấp khi Quỹ đi vào hoạt động.

2. Việc điều chỉnh, bổ sung vốn điều lệ của Quỹ do UBND tỉnh xem xét, quyết định trên cơ sở đề nghị của Hội đồng quản lý Quỹ.

Điều 13. Các nguồn vốn khác.

1. Bổ sung vốn điều lệ từ lãi thu được qua hoạt động cho vay.

2. Các khoản đóng góp tự nguyện của các hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, tổ hợp tác.

3. Các khoản viện trợ, tài trợ của các tổ chức cá nhân trong và ngoài nước.

4. Vốn nhận ủy thác từ ngân sách tỉnh, từ các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước để hỗ trợ phát triển hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, tổ hợp tác.

5. Vốn từ chương trình, dự án trong và ngoài nước hỗ trợ phát triển hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, tổ hợp tác.

6. Các khoản huy động khác theo quy định của pháp luật.

Chương V

Tổ chức bộ máy của quỹ

Điều 14. Cơ cấu tổ chức và biên chế.

1. Bộ máy quản lý và điều hành của Quỹ gồm có: Hội đồng quản lý, Ban Kiểm soát và cơ quan điều hành.

1.1. Hội đồng quản lý Quỹ có 5 thành viên, gồm: Chủ tịch Hội đồng là Giám đốc Sở Tài chính, Phó Chủ tịch Hội đồng kiêm Giám đốc Quỹ là Chủ tịch Liên minh

Hợp tác xã tỉnh, các ủy viên là đại diện các sở, ngành: Kế hoạch và Đầu tư; Chi nhánh Ngân hàng Nhà nước tỉnh; Liên minh Hợp tác xã tỉnh.

Thành viên Hội đồng quản lý Quỹ do Chủ tịch UBND tỉnh quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm trên cơ sở đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính. Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ được bổ nhiệm với thời hạn theo nhiệm kỳ không quá 5 năm. Ủy viên hội đồng quản lý Quỹ bị bãi nhiệm hoặc miễn nhiệm và được xem xét thay thế trong những trường hợp sau:

- Vi phạm pháp luật, vi phạm điều lệ Quỹ đến mức bị kỷ luật từ cảnh cáo trở lên.
- Không hoàn thành nhiệm vụ được giao và có ít nhất 3/5 thành viên Hội đồng quản lý Quỹ nghị quyết thông qua theo đề nghị của Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ.
- Khi có quyết định đảm nhận công tác khác.
- Xin từ nhiệm hoặc có lý do chính đáng khác.

1.2. Ban kiểm soát Quỹ có 3 thành viên do cán bộ Liên minh Hợp tác xã tỉnh kiêm nhiệm.

Hội đồng quản lý Quỹ bổ nhiệm, miễn nhiệm Trưởng ban kiểm soát. Các thành viên Ban kiểm soát do Hội đồng quản lý Quỹ quyết định theo đề nghị của Trưởng ban kiểm soát.

1.3. Bộ máy điều hành Quỹ gồm: Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng và các bộ phận chuyên môn nghiệp vụ.

- Giám đốc Quỹ do Chủ tịch UBND tỉnh quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm theo nhiệm kỳ không quá 5 năm.

- Phó Giám đốc và kế toán trưởng của Quỹ do Hội đồng quản lý Quỹ bổ nhiệm, miễn nhiệm trên cơ sở đề nghị của Giám đốc Quỹ.

- Bộ phận giúp việc của bộ máy điều hành Quỹ do Hội đồng quản lý Quỹ quyết định thành lập, giải thể trên cơ sở đề nghị của Giám đốc Quỹ.

2. Biên chế của Quỹ do UBND tỉnh giao ngoài cán bộ Liên minh Hợp tác xã tỉnh kiêm nhiệm có 3 cán bộ chuyên trách làm công tác nghiệp vụ của Quỹ. Quỹ được phép ký hợp đồng lao động nhằm đáp ứng yêu cầu hoạt động của Quỹ. Quỹ được phép ký hợp đồng được hưởng chế độ từ nguồn thu của Quỹ theo quy định của pháp luật hiện hành.

Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật và thực hiện các chế độ khác đối với cán bộ Quỹ theo quy định của pháp luật.

Điều 15. Nhiệm vụ, quyền hạn, chế độ làm việc, kinh phí hoạt động của Hội đồng quản lý.**1. Nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng quản lý Quỹ.**

- Xem xét, thông qua phương hướng, kế hoạch hoạt động cho vay theo định kỳ 6 tháng và năm; kế hoạch tài chính và báo cáo quyết toán hàng năm của Quỹ.

- Ban hành quy chế quản lý và sử dụng vốn, tài sản thu - chi tài chính của Quỹ; quy chế cho vay, thu hồi nợ và các quy chế về hoạt động nghiệp vụ khác của Quỹ trên cơ sở đề nghị của Giám đốc Quỹ.

- Phê duyệt chương trình hoạt động của Ban kiểm soát; xem xét báo cáo kết quả kiểm soát của Ban kiểm soát.

- Kiểm tra, giám sát hoạt động của cơ quan điều hành nghiệp vụ trong việc chấp hành các chủ trương, chính sách của Nhà nước, Điều lệ của Quỹ và các quyết định của Hội đồng quản lý.

- Nhận vốn thuộc sở hữu nhà nước được UBND tỉnh giao cho.

- Trên cơ sở đề nghị của Giám đốc Quỹ, xem xét và quyết định cơ cấu tổ chức, bộ máy điều hành, quyết định thành lập, giải thể các bộ phận giúp việc của bộ máy điều hành.

- Quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm các chức danh Phó Giám đốc và Kế toán trưởng của Quỹ theo đề nghị của Giám đốc quỹ; chức danh Trưởng ban kiểm soát, các thành viên Ban kiểm soát theo đề nghị của Trưởng ban kiểm soát.

- Trình UBND tỉnh bổ sung vốn điều lệ của Quỹ.

- Trình UBND tỉnh sửa đổi, bổ sung Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ.

- Được sử dụng con dấu của Quỹ trong các hoạt động giao dịch, thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng theo quy định tại Điều lệ này.

- Xem xét đề nghị của Giám đốc Quỹ, báo cáo UBND tỉnh giao biên chế của Quỹ.

2. Chế độ làm việc của Hội đồng quản lý.

- Hội đồng quản lý làm việc theo chế độ tập thể, quyết định theo đa số. Các cuộc họp của Hội đồng phải có ít nhất 3/5 thành viên của hội đồng tham dự. Trong trường hợp số phiếu ngang nhau, bên nào có phiếu của người chủ tọa cuộc họp được lấy ý kiến quyết định. Nội dung và nghị quyết cuộc họp hội đồng phải được ghi thành biên bản và được các thành viên hội đồng dự họp ký tên xác nhận. Trong trường hợp thành viên Hội đồng không dự họp được, thành viên đó có thể cho ý kiến bằng văn bản về những nội dung liên quan đến cuộc họp, ý kiến bằng văn bản được xem như ý kiến chính thức của thành viên đó, nếu những ý kiến đó phù hợp với nội dung được Hội đồng biểu quyết.

- Hội đồng quản lý Quỹ họp thường kỳ 3 tháng một lần để xem xét và quyết định những vấn đề thuộc thẩm quyền. Trường hợp cần thiết, Hội đồng quản lý có thể triệu tập họp bất thường theo đề nghị của Chủ tịch Hội đồng quản lý hoặc Trưởng Ban kiểm soát hoặc Giám đốc Quỹ. Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ triệu tập và chủ trì các cuộc họp của Hội đồng. Trường hợp vắng mặt, Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ có thể ủy quyền cho Phó Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ chủ trì cuộc họp. Hội đồng quản lý Quỹ chịu trách nhiệm tập thể và cá nhân trước pháp luật, UBND tỉnh về thực hiện quyền và trách nhiệm được giao.

3. Hội đồng quản lý Quỹ làm việc theo chế độ kiêm nhiệm và được hưởng các chế độ theo quy định của tỉnh và của Nhà nước.

4. Kinh phí hoạt động của Hội đồng quản lý được tính vào chi phí hoạt động của Quỹ.

Điều 16. Nhiệm vụ, quyền hạn, kinh phí hoạt động của Ban Kiểm soát.

1. Nhiệm vụ, quyền hạn.

- Xây dựng chương trình, kế hoạch công tác, trình Hội đồng quản lý Quỹ thông qua và tổ chức triển khai thực hiện.

- Kiểm tra, giám sát hoạt động của Quỹ theo quy định của pháp luật, Điều lệ và các Quyết định của Hội đồng quản lý; báo cáo Hội đồng quản lý Quỹ và người có thẩm quyền về kết quả kiểm tra, giám sát và kiến nghị biện pháp xử lý.

- Trưởng Ban kiểm soát hoặc thành viên của Ban được Trưởng Ban ủy quyền tham dự và tham gia ý kiến tại các cuộc họp của Hội đồng quản lý nhưng không có quyền biểu quyết.

2. Kinh phí hoạt động của Ban kiểm soát: Được tính vào chi phí hoạt động của Quỹ.

Điều 17. Nhiệm vụ, quyền hạn của Giám đốc Quỹ.

1. Giám đốc Quỹ là đại diện pháp nhân của Quỹ, chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản lý Quỹ và pháp luật về toàn bộ hoạt động Quỹ.

2. Nhiệm vụ, quyền hạn của Giám đốc Quỹ:

- Xây dựng cơ cấu tổ chức bộ máy điều hành để thực thi nhiệm vụ trình Hội đồng quản lý Quỹ và pháp luật về toàn bộ hoạt động của Quỹ.

2. Nhiệm vụ, quyền hạn của Giám đốc Quỹ:

- Xây dựng cơ cấu tổ chức bộ máy điều hành để thực thi nhiệm vụ trình Hội đồng quản lý Quỹ xem xét, quyết định.

- Tổ chức quản lý, điều hành các hoạt động của Quỹ theo Điều lệ và các quy định của pháp luật.

- Xây dựng chương trình, kế hoạch hoạt động, phương án huy động vốn, cho vay, hỗ trợ, tài trợ; kế hoạch tài chính và lập báo cáo quyết toán Quỹ trình Hội đồng quản lý Quỹ thông qua và tổ chức thực hiện.

- Ban hành hoặc trình Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ ban hành theo thẩm quyền các văn bản hướng dẫn nghiệp vụ của Quỹ theo quy định.

- Đề nghị Hội đồng quản lý bổ nhiệm, miễn nhiệm các chức danh Phó Giám đốc và Kế toán của Quỹ.

- Quyết định tuyển dụng, bố trí, sử dụng cán bộ nhân viên của Quỹ theo pháp luật và Điều lệ này. Lựa chọn hình thức trả lương, thưởng và các quyền khác của người sử dụng lao động theo quy định hiện hành trên cơ sở kết quả hoạt động của Quỹ, quy định của pháp luật hiện hành. Quyết định mức lương, phụ cấp và các khoản phúc lợi khác cho cán bộ, công nhân viên của Quỹ sau khi được Hội đồng quản lý Quỹ phê duyệt. Được quyền khen thưởng, kỷ luật đối với cán bộ, công nhân viên thuộc thẩm quyền của Quỹ.

- Thực hiện các nhiệm vụ theo quyết định và sự phân công của Hội đồng quản lý.

- Tham gia các phiên họp Hội đồng quản lý.

- Được quyền thuê các tổ chức, chuyên gia tư vấn để xem xét, thẩm định các dự án, phương án vay vốn, xin hỗ trợ, tài trợ của Quỹ, sử dụng cộng tác viên khi thật sự cần thiết.

- Quản lý, sử dụng vốn, tài sản và các nguồn lực khác của Quỹ theo quy định của Điều lệ này và quy định của pháp luật.

- Tùy theo tình hình hoạt động của Quỹ, Giám đốc Quỹ có thể quyết định mở chi nhánh Quỹ tại các huyện trong tỉnh sau khi thông qua Hội đồng quản lý Quỹ.

Điều 18. Chế độ đối với cán bộ, nhân viên của Quỹ.

1. Cán bộ, nhân viên Quỹ được hưởng lương, thưởng, phúc lợi và các chế độ khác theo quy định như đối với công ty nhà nước. Mức cụ thể do Hội đồng quản lý Quỹ xem xét, quyết định trên cơ sở đề nghị của Giám đốc Quỹ.

2. Cán bộ kiêm nhiệm làm việc cho Quỹ được hưởng theo chế độ phụ cấp kiêm nhiệm của Nhà nước.

Chương VI

Chế độ tài chính, kế toán, kiểm toán

Điều 19. Chế độ tài chính.

1. Chế độ tài chính của Quỹ thực hiện theo hướng dẫn của Sở Tài chính.
2. Năm tài chính của Quỹ bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 năm dương lịch.

Điều 20. Trích lập Quỹ.

Quỹ được trích lập Quỹ dự phòng rủi ro; Quỹ bổ sung vốn điều lệ; Quỹ đầu tư phát triển; Quỹ khen thưởng và Quỹ phúc lợi từ thu nhập tài chính theo hướng dẫn của Sở Tài chính.

Điều 21. Công tác kiểm toán, kế toán.

1. Chế độ kế toán của Quỹ được vận dụng chế độ kế toán của Ngân hàng phát triển Việt Nam để thực hiện hạch toán kế toán.
2. Quỹ tự tổ chức kiểm toán hoạt động của Quỹ hoặc thuê kiểm toán độc lập thực hiện.
3. Báo cáo quyết toán năm do Giám đốc Quỹ phê duyệt, gửi Sở Tài chính chậm nhất vào ngày 31/3 của năm sau.
4. Quỹ chịu sự kiểm tra tài chính của Sở Tài chính theo định kỳ hoặc đột xuất tùy theo yêu cầu của công tác quản lý.

Chương VII**Tổ chức thực hiện**

Điều 22. Điều lệ này có hiệu lực kể từ ngày UBND tỉnh ký Quyết định ban hành.

Điều 23. Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ do Hội đồng quản lý Quỹ xây dựng gửi Sở Tài chính thẩm định, trình UBND tỉnh phê duyệt.

Điều 24. Chủ tịch Hội đồng quản lý, Ban kiểm soát, Giám đốc Quỹ hỗ trợ phát triển Hợp tác xã tỉnh Phú Thọ chịu trách nhiệm thi hành Điều lệ này.

Quỹ hỗ trợ phát triển hợp tác xã tỉnh Phú THỌ